**TUẦN 2:** **CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TUỔI THƠ**

**Bài 03: TUỔI NGỰA (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con.

Đọc hiểu: Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. HIểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống…..

- Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| **1.1. Ôn bài cũ:**- GV cho HS lên bốc thăm đọc nối tiếp bài “Cánh đồng hoa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | HS quan bốc thăm đọc đoạn và trả lời câu hỏi.- HS lắng nghe.  |
| **1.2. Khởi động:**- GV cho nhóm hoạt động: Nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch)- GV cùng trao đổi với HS trao đổi trước lớp- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr18, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:- GV dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát về bài thơ đề vào bài mới: *Bài đọc “Tuổi ngựa” là bài thơ nói về trí tưởng tượng của me bé tuổi Ngựa. Em ước mình sẽ có thể được đến muôn nơi thế nhưng dù có đến đâu em cũng không bao giờ quên trở về với mẹ với quê hương.* | - Nhóm thảo luận.- HS đại diện một số nhóm lên chia sẻ- HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.-Hs lắng nghe và ghi tên bài |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết đẻ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con - Cách tiến hành: |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú Ngựa theo trí tưởng tượng phog phú của bạn nhỏ. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi…+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Ngọn gió của trăm miền”+ Đoạn 3: Tiếp theo Khắp đồng hoa cúc dại.+ Đoạn 4: Phần còn lại- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *triền núi đa, loá màu trắng….*- GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)- GV HD đọc đúng ngữ điệu: câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ, đọc với giọng hào bhuwngs, xúc động ở đoạn thơ nói về chú nựa non rong ruổi khắp đây đó.- GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn.- GV nhận xét tuyên dương. | - Hs lắng nghe GV đọc.- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu.- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: + Nhận biết được nộ dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống….. - Cách tiến hành: |
| **3.1. Giải nghĩa từ:**- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)+ Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa theo âm lịch | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.- HS nghe giải nghĩa từ |
| **3.2. Tìm hiểu bài:**- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?+ Câu 2: Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ: . Những miền đất đã quên. . Những cảnh vật đã thấy . Những cảm nghĩ đã có.+ Câu 3: Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?+ Câu 4: Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.- GV nhận xét, tuyên dương- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.- GV nhận xét và chốt: ***Bạn nhỏ trong bài thơ là một cậu bé có đầy sự tự tin, ước mơ, khao khát được khám phá cuộc sống, thế giới xung quanh. Nhưng sau tất cả, sau mỗi chuyến đi cậu lại trở về với gia đình, trở về trong vòng tay đầy yêu thương, ấm áp của mẹ.*****3.3. Học thuộc lòng:****-** GVHD Hs học thuộc lòng + HS đọc thuộc theo cặp+ Xung phong đọc thuộc lòng trước lớp | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Qua trò chuyện với mẹ, bạn nhỏ tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây vì mẹ nói với bạn nhỏ rằng tuổi của bạn nhỏ là tuổi Ngựa. Tuổi Ngựa là tuổi đi, không yên một chỗ.Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ: +Những miền đất đã qua: miền trung du, triền núi đá, những cánh đồng hoa. + Những cảnh vật đã thấy: ngọn gió, gió xanh, gió hồng, gió đen, núi đá, cánh đồng hoa, nắng, đồng hoa cúc. + Những cảm nghĩ đã có: vui vẻ, thích thú, say mê.Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù chú ngựa con sẽ đi xa, đi khắp nơi, nhưng chú vẫn nhớ và luôn muốn trở về bên mẹ. Đây là sư biết ơn và tình yêu thương của bạn nhỏ với người mẹ, dù có phải rời xa nhưng tình cảm vẫn không thay đổi.Bạn nhỏ trong bài thơ thể hiện sự tự tin và say mê trong việc khám phá và trải nghiệm cuộc sống. Dù còn nhỏ nhưng bạn đã có tinh thần phiêu lưu và quyết tâm đi tìm hiểu thế giới xung quanh mình. Đồng thời, sự nhạy cảm và tình cảm gia đình sâu sắc cũng được thể hiện qua tình yêu thương và mong muốn trở về bên mẹ của bạn.- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.-Nghe Gv hướng dẫn.+ HS cùng nhau đọc nhiều lần.+ HS xung phong đọc. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tuổi Ngựa”.- Nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

**-----------------------------------------------------------------**

**Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Bài: ĐẠI TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi “Đoán xem tôi là ai”+ Câu 1: Mọi người thường dùng tôi để đặt tên cho các sự vật, hiện tượng tự nhiên, cây cỏ, hoa lá. Đố các bạn tôi là ai?+ Câu 2: Mọi người thường dùng tôi để miêu tả các đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái… Tôi là ai vậy?+ Câu 3: Khi các bạn gọi tên các hoạt động, trạng thái ấy là lúc các bạn đang nhắc đến tôi. Đố các bạn biết tôi là ai?- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia chơi- Đáp án: Danh từ- Đáp án: Tính từ- Đáp án: Động từ- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập.**- Mục tiêu:- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. - Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?**a. Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.**Bài 2. Nhận diện đại từ nghi vấn.**- GV yêu cầu HS đọc: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?a. Cốc! Cốc Cốc!– Ai gọi đó?– Tôi là thỏ…(Võ Quảng)b. Bé nằm ngẫm nghĩ- Nắng ngủ ở đâu?– Nắng ngủ nhà nắngMai lại gặp nhau.(Thụy Anh)c. Mùa nào phượng vĩNở đỏ rực trờiỞ khắp nơi nơiVe kêu ra rả?(Câu đố)- GV chia nhóm thảo luận.- GV tổ chức trình bày trước lớp.- GV ? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào? ? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì?- GV nhận xét chung ***Bài 3: Đọc câu chuyện dưới dây và trả lời câu hỏi.***Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:– **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.Ngô liền nói:- **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.Hạt thóc nghe xong, im lặng.(Phan Tự Gia Bách)a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?**-** Gọi 2 Hs đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các các từ in đậm.**-**  Gv cho nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời.- Lớp nhận xét.GV chó HS rút ra ghi nhớ: Về đại từ **Bài 4**: Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.-GV chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp- Bình chọn câu đáp lời hay nhất, | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.a. “Vậy” thay thế cho từ “vàng óng”.b. “Thế” thay thế cho “cao và thẳng”.c. “Đó” thay thế cho “cánh đồng vàng rộm”.- Các nhóm trình bày- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- 1 HS đọc. Cả lớp lắng nghe.a. Từ được dùng để hỏi: đób. Từ được dùng để hỏi: đâuc. Từ được dùng để hỏi: nào- Các nhóm thảo luận.- Đại diện các nhóm trả lời.-+ Trong câu hỏi+ Dấu hỏi chấm.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- 2 HS đọc và nêu các từ in đậm-Nhóm thảo luận – chia sẻ trước lớpa.Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để xưng hô.b. - Từ chỉ người nói: Ta, tớ- Từ chỉ người nghe: Bạn, cậu-HS nắm được: Đại từ là từ dùng để thay thế như thế, vậy, đó, này,... (đại từ thay thế), để hỏi như ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu.... (đại từ nghi vấn) hoặc dễ xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...- HS thảo luận cùng phân vài và tham gia đóng vai trước lớpVD: Tớ xin lỗi vì đã kiêu ngạo như vậy! |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ong về tổ”.+ Câu 1: Đại từ được in đậm trong câu: “Mỗi sáng, Lan đều tập đàn chăm chỉ, việc này giúp bạn chơi đàn ngày càng hay.” thay thế cho phần nào dưới đây?+ Câu 2: Từ nào trong các từ dưới đây luôn là đại từ?+ Câu 3: Từ gạch chân trong trường hợp nào dưới đây là đại từ?- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Đáp án: A+ Đáp án: D+ Đáp án: B- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**---------------------------------------------------**

**Tiết 3: VIẾT**

**Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

 - Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo.

 - Biết thể hiện tình cảm yêu thương với người thân và chia sẻ suy nghĩ, ước mơ của mình với mọi người.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở hai tiết trước: + Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước: • Thêm lời tả, lời kể, lời thoại,… • Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện • Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Buổi học trước chúng ta đã tìm hiểu được các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Ở buổi học này, chúng ta sẽ đi thực hành lập dàn ý cho một đề bài cụ thể.* | - HS nhắc lại kiến thức đã học. - HS chú ý lắng nghe. |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu:- Lập được dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo. - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Chuẩn bị.**- GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu chuẩn bị và gợi ý trong SGK- HS lựa chọn một câu chuyện để kể lại.- HS suy nghĩ, nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện.- HS lựa chọn cách kể sáng tạo.- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | - 1 HS đọc đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau lựa chọn 1 câu chuyện- Suy nghĩ, nhớ lại và lựa chọn cách kể sáng tạo, trình bày kết quả.- Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Lập dàn ý**- GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.- HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình- HS viết dàn ý vào vở. - GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý. |  |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: + Lập dàn ý bài văn mình đã chọn+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 2: Lập dàn ý**- GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý về dàn ý trong SGK theo từng phần của bài văn.- HS dựa vào câu trả lời đã nêu ở phần chuẩn bị, lập dàn ý cho bài làm của mình- HS viết dàn ý vào vở.- GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong lập dàn ý.**Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa**- GV mời 1 HS đọc bài viết- GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa- GV nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh. | - Nghe GV gợi ý- 1 HS nhớ lại ở phần chuẩn bị, lập dàn ý bài vănMở bài: Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,... (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách:– Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết).– Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em.– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hộ, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).-Trình bày trước lớp để Gv và các bạn góp ý, bổ sung.- 4-5 HS đọc yêu bài viết; Cả lớp lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Bài 4: BẾN SÔNG TUỔI THƠ**

**Tiết 1 – 2: ĐỌC BẾN SÔNG TUỔI THƠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng toàn bộ câu chuyện Bến sông tuổi thơ. Biết đọc diễn cảm văn bản phù hợp với nội dung; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút;

- Biết đến những câu chuyện hay (cổ tích, đồng thoại, khoa học viễn tưởng,...) và những điều làm nên sự thú vị của câu chuyện: bối cảnh, nhân vật, sự việc,...

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc,...

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp đất nước thông qua những hoạt động cảnh vật ở nhiều miền trên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh câu chuyện Bến sông tuổi thơ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| **1.1. Ôn bài cũ:**- GV cho 2 HS lên đọc thuộc lòng bài “Tuổi ngựa” và nêu suy nghĩ gì về các bạn nhỏ trong câu chuyện. | HS đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi.- HS lắng nghe.  |
| **1.2. Khởi động:**- GV cho học sinh nghe bài hát: “Con sông tuổi thơ tôi”- GV yêu cầu hs: “Nêu cảm nhận của em về bài hát vừa nghe”- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa và yêu cầu hs miêu tả cảnh vật trong tranh- GV dẫn dắt vào bài học: *Quê hương Việt Nam chúng ta thật nhiều cảnh đẹp, phong phú. Mỗi nơi mang vẻ đẹp đặc trưng của từng vùng. Bài đọc “Bến sông tuổi thơ” là câu chuyện các bạn nhỏ đã cùng nhau có những kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương sông nước bình dị, những kỉ niệm sâu sắc với bạn bè, những món ăn đặc sản của vùng quê. Mỗi thứ đều gắn sâu trong kí ức và gom góp nên sự tự hào trong suy nghĩ, tình cảm của bạn nhỏ ấy.*  | - HS nghe bài hát- HS nêu cảm nhận- HS quan sát tranh và miêu tả- HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Bến sông tuỏi thơ”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.- Cách tiến hành: |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả cảm xúc của nhân vật, hình ảnh bến sông quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ.- GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai - Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến vì cay+ Đoạn 2: Tiếp theo đến cù lao này.+ Đoạn 3: Tiếp theo chưa đến+ Đoạn 4: Phần còn lại- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: ( *lững lờ, nước ròng, cù lao…)*- GV hướng dẫn luyện đọc câu: ( Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc) Chiều chiều,/ gió từ phía sông thổi về man mác,/ những bông hoa bần tim tím nở xoè,/ từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước- GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn hoàn thành câu chuyện- GV nhận xét tuyên dương. | - Hs lắng nghe GV đọc.- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.- HS đọc từ khó.- 2-3 HS đọc câu.- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: Nhận biết được đặc diểm của nhân vật thể hiện qua tâm trạng, cảm xúc, … Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Bước đầu tóm tắt được văn bản.- Cách tiến hành: |
| **3.1. Giải nghĩa từ:**- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)Bần: cây to, mọc ở vùng nước lợ, có rễ phụ nhọn và xốp đâm ngược lên khỏi mặt bùn.- Cù lao (đảo): vùng đất nổi lên giữa sông hoặc ở biển. | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.- HS nghe giải nghĩa từ |
| **3.2. Tìm hiểu bài:**- GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,…- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.+ Câu 1: Từ khi sinh ra, những hình ảnh nào của quê hương đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ?+ Câu 2: Bạn nhỏ đã có những kỉ niệm gì cùng bạn bè trên bến sông tuổi thơ?+ Câu 3: Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên như thế nào?+ Câu 4: Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản gì của quê hương? Chi tiết nào cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình?Câu 5: Qua bài đọc, em yêu thích hình ảnh nào của vùng đất cù lao? Vì sao?- GV nhận xét, tuyên dương**3.3. Luyện đọc lại:****-** Gv gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc + HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc+ Xung phong đọc trước lớp.3.4.  **Luyện tập sau khi đọc****-** GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.**Câu 1:** Từ tôi và chúng tôi ở hai đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ ai? Từ nào chỉ một người, từ nào chỉ nhiều người? **Câu 2:** a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:Thỉnh thoảng lại nghe những trái bản chín **rớt** tỏm xuống sông, âm thanh rất đỗi quen thuộc và gần gũi với bọn trẻ sống ở xứ **cù lao** này.Mỗi chiều, bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi **con nít**.**Trái** bần chua cũng là một “đặc sản” của quê tôi.b. Qua những từ in đậm ở trên, em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ? Chọn đáp án đúng.A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.B. Nhà văn dùng từ ngữ phổ biến với nhiều người.C. Nhà văn sử dụng từ ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.D. Nhà văn dùng những từ ngữ trừu tượng, mơ hồ.**-** GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Từ khi sinh ra, hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng... đã trở nên thân thuộc với bạn nhỏ.-Bạn nhỏ có kỉ niệm:- Mỗi chiều, tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít.- Thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn. Hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quả thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay.Trong cảm nhận của bạn nhỏ, vẻ đẹp của quê hương hiện lên thông qua hình ảnh những hàng bần nở hoa tím, bắt mắt chờ gió thổi qua. Bên cạnh đó, mùi vị của trái bần chín và hương thơm của canh cá bống sao nấu với trái bần chua cũng làm cho quê hương trở nên đặc biệt và gắn bó trong tâm trí bạn nhỏ.+ Bạn nhỏ nhắc đến đặc sản của quê hương là trái bần và canh cá bống sao nấu với trái bần chua.Chi tiết cho thấy bạn rất tự hào về đặc sản đó của quê mình: "Trái bần chua cũng là một đặc sản của quê tôi. Vì trái bần mà đem nấu canh chua cá bống sao hay cá bông lau thì khó có món nào ngon hơn được." Sự tự hào này thể hiện qua việc mô tả về hương vị ngon lành của món ăn đặc trưng của quê hương và mong muốn chia sẻ nó với những người đến thăm quê nhà.+ Trong bài đọc, em yêu thích hình ảnh của hàng bần nở hoa tím chờ gió thổi qua. Bởi vì hình ảnh này thể hiện sự tươi mới, sự sống động và vẻ đẹp tự nhiên của vùng đất cù lao.- Nghe Gv và bạ hướng dẫn đọc.-Nhóm phân công luân phiên bạn đọc* 2 -3 HS đọc bài

- Từ "tôi" ở đoạn đầu của bài đọc được dùng để chỉ một người, tức là tác giả của bài thơ.- Từ "chúng tôi" ở đoạn hai của bài đọc được dùng để chỉ nhiều người, tức là tác giả và nhóm bạn nhỏ của mình. a. Tìm từ có nghĩa giống với từ in đậm trong các câu sau:- Rớt: rơi- Cù lao: đảo nhỏ- Con nít: trẻ con- Trái: quả.b. Qua những từ in đậm ở trên, em thấy cách dùng từ ngữ của nhà văn trong bài Bến sông tuổi thơ rất gần gũi với trẻ em.A. Nhà văn sử dụng từ ngữ gần gũi với trẻ em.-Hs nghe |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Bến sông tuổi thơ”.- Nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài. | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................. |

------------------------------------------------------------------------

 **Tiết 3: VIẾT**

**Bài: VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

 - Biết viết bài văn bài văn kể chuyện sáng tạo theo dàn ý đã lập.

- Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện.

- Biết đánh giá bạn cách vết hay có câu chuyện hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng yêu quý cảnh vật xung quanh

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV cho học sinh quan sát 3 bức tranh và yêu cầu: Nhận xét nhanh về cách sáng tạo, cách sử dụng từ ngữ trong 3 đoạn văn tham khảo:- GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.- GV nhận xét, đánh giá - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS làm theo hướng dẫn của GV. + Đoạn 1: sáng tạo thêm chi tiết tả bầu trời, sáng tạo thêm lời thoại. Các từ ngữ được dùng rất sinh động, giàu hình ảnh.+ Đoạn 2: thêm chi tiết cho kết thúc của câu chuyện (thay đổi cách kết thúc của câu chuyện).+ Đoạn 3: đóng vai nhân vật cá vàng để kể lại câu chuyện. Các từ ngữ được dùng rất sinh động để tự bộc lộ cảm xúc và tự kể lại các hoạt động của nhân vật cá vàng (tung tăng, bỗng nhiên, bị cuốn phăng, hốt hoảng, bị nhấc bổng lên,...), từ ngữ phỏng đoán cũng được sử dụng khi nói về cảm xúc của nhân vật ông lão (vẻ thất vọng, có lẽ vì).- Hs lắng nghe |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu: + Biết giới thiệu về những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện đã đọc, đã nghe, hiểu và trình bày được tác dụng của những chi tiết tưởng tượng có trong câu chuyện. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 3, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.**- GV mời 1 HS đọc 2 đề văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu đã viết - HS đọc lưu ý SGK và xem lại dàn ý đã lập: - Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.- Khi đóng vai kể chuyện, cần chọn cách xưng hô phù hợp và kể, tả sự việc theo đúng cảm xúc của nhân vật mà em đóng vai.- HS đọc các đoạn văn trong SGK để tham khảo cách viết.- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết | - 1 HS đọc 2 đề bài; Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp- HS làm việc cá nhân tự đọc SGK và nêu cách viết- Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Hỗ trợ HS trong quá trình viết**- Đọc soát và chỉnh sửa.- Giới thiệu được câu chuyện một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.- Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc đáo nhưng không làm thay đổi nội dung chính, ý nghĩa của câu chuyện gốc.- HS viết bài văn vào vở. GV quan sát, giúp đỡ- GV nhận xét nhanh một số bài của HS – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi viết bài | -HS đọc soát và chỉnh sửa theo gợi ý.-Viết vào vở ( Dựa vào dàn ý)-Nghe Gv nhận xét |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: + Biết đánh giá và tôn trọng những bạn có câu chuyện hạy, có cách giới thiệu hấp dẫn.+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa**- GV mời 2 -3 HS đọc bài viết- HĐ nhóm trao đổi, góp ý bài viết của bạn- GV mời cả lớp nghe và góp ý, chỉnh sửa- GV cho HS đọc bài viết của 1 bạn sau khi sửa hoàn chỉnh.- GV nhận xét, tuyên dương.  | - HS đọc.- Nhóm đôi chỉnh sửa bài viết cho bạn vè bó cục, nội dung, trình tự xảy ra sự việc...- 4-5 HS đọc bài viết; Cả lớp lắng nghe.- HS nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về cách viết bài văn sáng tạo cho câu chuyện.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Tiết 4: NÓI VÀ NGHE: NHỮNG CÂU CHUYỆN THÚ VỊ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

 - Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích.

 - Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng trình bày trước lớp

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước và trách nhiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV chiếu một đoạn văn cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình.- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá.**- Mục tiêu:+ Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Chuẩn bị.**- GV mời học sinh đọc yêu cầu - GV HD:  + Nhớ lại câu chuyện đã được đọc, được nghe mà em thích. + Làm việc cá nhân:  - HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu. - GV theo dõi nhận xét chung,  | - 1 HS đọc yêu cầu- HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại câu chuyện em yêu thích: tên câu chuyện, tên tác giả, nội dung câu chuyện. + Liệt kê các chi tiết thú vị trong câu chuyện....- Thực hiện ghi chép - HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Thảo luận** - Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học- HD HS thảo luận nhóm + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp-Tiến hành trình bày trước lớp- GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm. | - 2 HS đọc-Nhóm thảo luận các nội dung + Giới thiệu tên nội dung chính của câu chuyện. + Chia sẻ những chi tiết thú vị có trong câu chuyện + Nêu suy nghĩm cảm xúc của mình về những chi tiết thú vị trong câu chuyện.-Đại diện trình bày – Lớp nhận xét-Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận. |
| **3. Luyện tập.**- Mục tiêu: + Viết bài văn mình đã chọn+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| **Bài 3. Đánh giá**- GV cho HS bình chọn- GV đánh giá kết quả học tập của Hs- GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị khác để Hs biết mà tìm đọc. | - Hs tham gia bình chọn- Nghe GV đánh giá- Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em chia sẻ với người thân của em và trao đổi về về câu chuyện em nghe thú vị nhất và lắng nghe ý kiến của người thân.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................